| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ KIẾN HẢI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:149 /KH-UBND | *Kiến Hải, ngày* 06 *tháng 5 năm 2026* |

# KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kiến Hải thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kiến Hải thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030; nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã Kiến Hải ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn xã.

- Làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị, các thôn xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng đơn vị.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực trong quá trình triển khai.

- Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

### 2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của xã Kiến Hải trong giai đoạn mới.

- Bảo đảm nguyên tắc "06 rõ" gồm: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, đơn vị, cá nhân phụ trách; xác định rõ tiến độ thực hiện và kết quả đầu ra.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải gắn với chỉ tiêu cụ thể, có lộ trình thực hiện hằng năm và giai đoạn; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, tránh chồng chéo, hình thức hoặc thiếu căn cứ thực hiện.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan liên quan và các thôn dân cư trong tổ chức thực hiện; chủ động tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm và cả giai đoạn; kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

**II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

***1. Về kinh tế***

(1). Hằng năm, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng bình quân từ 19% trở lên, trong đó:

+ Công nghiệp - xây dựng tăng từ 18%.

+ Thương mại - dịch vụ - logistics - du lịch tăng từ 24%.

+ Nông - lâm - thủy sản tăng từ 4,5%.

(2). Hằng năm, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 15 - 17%.

(3). Đến năm 2030, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 250 triệu đồng.

(4). Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt 1.064 tỷ đồng. Hàng năm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt tối thiểu 90%.

(5). Phấn đấu đến năm 2030, số doanh nghiệp trên địa bàn tăng gấp 02 lần hiện nay; mỗi năm có từ 20 cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp cơ sở.

(6). Phấn đấu đến năm 2030 có 50% doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới, sáng tạo.

(7). Thu nhập bình quân đầu người tăng bình quân 19 %/năm (đến năm 2030 thu nhập bình quân đầu người từ 170 triệu - 200 triệu).

(8). Đến năm 2030 không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn).

***2. Về Văn hóa - xã hội***

(9). Hằng năm, chỉ tiêu gia đình văn hóa đạt 98%; thôn văn hóa đạt từ 90% trở lên.

(10). Các nhà trường giữ vững chuẩn Quốc gia mức độ 1, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3. Có ít nhất một nhà đa năng cho mỗi cấp học. 100% cơ sở giáo dục có ít nhất 01 phòng học thông minh.

(11). Đến năm 2030, tỷ lệ người dân tham gia BHYT: trên 98%; Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trong lực lượng lao động của xã đạt 66%.

(12). Giới thiệu và giải quyết việc làm cho 1.500 - 2.400 lượt lao động/năm.

(13). Tỷ lệ lao động qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ: đạt trên 70%.

(14). Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 100%.

(15). Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định đạt 100%; tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn đạt 100%.

(16). Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

(17). Xã hoàn thành xây dựng chính quyền số cấp xã, phát triển kinh tế số cộng đồng, hình thành các tổ chuyển đổi số cộng đồng tại 100% thôn.

(18). 100% cơ quan, đơn vị sử dụng văn bản điện tử; trên 90% dịch vụ công mức độ 3, 4 được cung cấp đầy đủ.

(19). Phấn đấu hằng năm, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt: 85%.

(20). Xã được công nhận đạt chuẩn "Chính quyền thân thiện" năm 2027.

***3. Về Quốc phòng - an ninh***

(21). Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ Công an Nhân dân hằng năm.

(22). Duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; không phát sinh "điểm nóng".

**III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Phát triển kinh tế:**

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và đô thị ven biển phù hợp thực tiễn, quy hoạch vùng liên xã để phát triển đồng bộ, thống nhất, gắn với quy hoạch chung của thành phố Hải Phòng và khu kinh tế ven biển phía Nam thành phố.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, kinh tế biển, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến thủy sản, logistics nông sản, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản. Khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với thị trường và biến đổi khí hậu, hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

- Phát triển mạnh công nghiệp sạch, tiểu thủ công nghiệp, ưu tiên các ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản, cơ khí sửa chữa tàu thuyền, sản xuất gốm sứ mỹ nghệ, đồ gia dụng.

- Thu hút đầu tư xây dựng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với hạ tầng đồng bộ, môi trường xanh, hiện đại, kết nối thuận lợi với tuyến đường bộ ven biển, cảng Nam Đồ Sơn.

- Phát triển thương mại, dịch vụ, logistics, thí điểm du lịch trải nghiệm, sinh thái, văn hóa - lịch sử, gắn với duy trì thương hiệu và phát triển thêm sản phẩm OCOP, nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

- Khuyến khích hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của xã.

**2. Hạ tầng và quy hoạch**

- Tập trung các nguồn lực đầu tư nâng cấp, mở mới các tuyến giao thông trục xã, liên xã, liên thôn, đường ra biển, kết nối với tuyến đường cao tốc ven biển, cảng Nam Đồ Sơn, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê kè ven biển, trạm bơm tiêu úng, đảm bảo sản xuất và phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn: giao thông thôn - ngõ, cống rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, điểm thu gom rác phân loại tại nguồn, điểm truy cập wifi cộng đồng. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia đầu tư - quản lý - vận hành hạ tầng theo mô hình xã hội hóa, đúng tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW.

- Xây dựng mô hình "Khu dân cư đáng sống", gắn với cảnh quan đẹp, hạ tầng sạch, môi trường thân thiện, văn hóa cộng đồng mạnh, an ninh trật tự tốt, người dân hài lòng. Phấn đấu 100% thôn có tuyến đường kiểu mẫu, nhà văn hóa khang trang, sân thể thao, cây xanh, camera an ninh.

**3. Văn hóa – xã hội**

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì và nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, thực hiện phổ cập độ tuổi theo quy định, nâng cao tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT và vào các trường đại học, cao đẳng, trường nghề. Định hướng hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, cụm công nghiệp, khu nuôi trồng thủy sản, dịch vụ - du lịch. Phát huy hiệu quả các Trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia học tập, tạo thành phong trào xã hội học tập, phong trào bình dân học vụ số.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, tăng cường đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất trạm y tế xã, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo gia đình người có công, hộ khó khăn; phát huy mạnh mẽ phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh.

- Thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng phù hợp với đặc điểm vùng miền, lịch sử hình thành và các giá trị đặc trưng gắn với lịch sử vùng đất, văn hóa, con người, tiềm năng, lợi thế của xã Kiến Hải; tổng hợp thực tiễn để xác định phương hướng, đề xuất với thành phố hệ thống nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, phát huy tối đa các mô hình hiệu quả, khả thi đối với sự phát triển, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Tăng cường năng lực tổ chức tự quản ở cộng đồng dân cư, tiếp tục thực hiện tốt hương ước của làng, dòng họ, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và hoạt động lễ hội. Duy trì và nhân rộng mô hình tổ chức lễ tang tiết kiệm, văn minh, bảo vệ môi trường (tại khu vực Đoàn Xá); duy trì phát huy các lễ hội truyền thống văn hóa trên địa bàn; xây dựng, sửa sang, nâng cấp các nhà văn hóa thôn, bố trí các thiết bị tập luyện thể thao tại các nhà văn hóa làm điểm luyện tập thể dục thể thao cộng đồng. Phát huy vai trò Ban công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể, các thôn dân cư và các nhóm tự quản về an ninh trật tự, môi trường, đời sống văn hóa. Tổ chức tốt các phong trào "Gia đình văn hóa", "Thôn không rác", "Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn".

- Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động đối ngoại, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, nhất là đối với những khủng hoảng có yếu tố toàn cầu. Tăng cường quản lý hoạt động các nguồn lực của kiều bào ủng hộ giảm nghèo, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

**4. Tài nguyên – môi trường**

- Thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý chặt chẽ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, ven biển, đất nuôi trồng thủy sản; tập trung xử lý các vi phạm đất đai, xây dựng trái phép, lấn chiếm hành lang giao thông, thủy lợi, đê điều, không để phát sinh vi phạm mới, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ được phân công phụ trách, ngành, lĩnh vực. Tăng cường quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ rừng ngập mặn, đa dạng sinh học biển. Nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; duy trì phân loại rác tại nguồn hiệu quả, nền nếp; khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, tái chế, tái sử dụng chất thải. Chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cộng đồng, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ số trong giám sát, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt.

**5. Cải cách hành chính – chuyển đổi số**

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ chốt xã, trưởng thôn. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng văn hóa công vụ chuẩn mực, liêm chính phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp; triển khai thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 57 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, đẩy mạnh bình dân học vụ số hướng đến xã hội số; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công; phát triển thương mại điện tử, sàn giao dịch điện tử nông sản, thủy sản, gốm sứ, sản phẩm OCOP; khuyến khích kinh tế tư nhân tiên phong chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh.

- Phát triển kinh tế số nông thôn: hỗ trợ người dân, hộ sản xuất, hợp tác xã đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc, hóa đơn điện tử, thanh toán số. Hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý bán hàng, tồn kho, đơn hàng đơn giản. Khuyến khích các dịch vụ logistics, vận tải, phân phối quy mô hộ gia đình ứng dụng công nghệ để tăng hiệu quả.

- Hình thành và duy trì hiệu quả tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% thôn, làm "cánh tay nối dài" của chính quyền trong tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân tiếp cận nền tảng số. Phát động phong trào "Gia đình số - Thôn số - Công dân số", thực hiện phong trào "bình dân học vụ số"; tổ chức thi đua sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tra cứu giấy tờ, học trực tuyến, giao dịch thanh toán không tiền mặt, sử dụng mã QR trong đời sống thường ngày.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng số, văn hóa số, an toàn thông tin cá nhân; phòng chống tội phạm mạng, lừa đảo trực tuyến; xây dựng cộng đồng mạng lành mạnh, văn minh, đoàn kết. Từng bước kết nối các nền tảng giám sát xã hội, camera cộng đồng và tương tác số phục vụ điều hành thông minh.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 68 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tiếp cận và áp dụng công nghệ số: hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ chuyển đổi mô hình, đăng ký mã số thuế điện tử, số hóa quy trình, xây dựng website, đăng ký thương hiệu điện tử. Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng quản trị số cho các nhóm doanh nghiệp trẻ, hợp tác xã, hộ sản xuất, đúng định hướng Nghị quyết 68-NQ/TW.

- Triển khai thực hiện đầy đủ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Bố trí cán bộ đủ năng lực và nguồn lực để triển khai thực hiện trên địa bàn. Đồng thời tăng cường rà soát, kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật, xử lý vi phạm hành chính tại địa phương; đảm bảo xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật giai đoạn 2026 – 2030.

**6. Quốc phòng – an ninh**

- Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên.

- Nắm tình hình địa bàn, nhất là các khu vực có thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tập trung đông dân cư, có di biến động lao động, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh đơn thư, tranh chấp. Tăng cường tiếp dân, đối thoại định kỳ, hòa giải cơ sở, xử lý hiệu quả mâu thuẫn, khiếu nại từ cơ sở, không để xảy ra điểm nóng. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ tài nguyên, môi trường, không gian ven biển - ven sông, nhất là khu vực có dự án đầu tư lớn, khu vực ranh giới hành chính hoặc vùng giáp ranh; đảm bảo an ninh môi trường và an toàn đầu tư.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời các vấn đề phức tạp, không để bị động, bất ngờ; phòng cháy chữa cháy, ngăn ngừa tội phạm, đặc biệt là tội phạm về ma túy, cờ bạc, trộm cắp. Phối hợp

chặt chẽ giữa các lực lượng để đấu tranh, phòng chống buôn bán, vận chuyển, tàng trữ ma túy, phấn đấu xây dựng "xã trắng ma túy". Giữ vững bình yên thôn xóm, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, nhất là tại các khu dân cư đông người, khu công nghiệp và khu vực có hoạt động buôn bán, kinh doanh. Phát triển mạng lưới truyền thanh - cảnh báo - xử lý tình huống khẩn cấp tại cộng đồng.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan tham mưu chính về phát triển kinh tế của địa phương, (trực tiếp tham mưu, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu 1,2,3,4,5,6,7,8,14,15).

- Chủ trì triển khai các chương trình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và du lịch.

- Hướng dẫn các thôn dân cư chuyển đổi cơ cấu kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; phát triển kinh tế biển xanh, nông nghiệp sinh thái, công nghiệp sạch.

- Theo dõi, tổng hợp chỉ tiêu kinh tế – ngân sách – đầu tư, định kỳ báo cáo UBND xã để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm.

### 2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, lao động – việc làm và an sinh xã hội. (trực tiếp tham mưu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu 9,10,11,12,13,16,17,20).

- Tổ chức các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Gia đình văn hóa", "Khu dân cư kiểu mẫu".

- Phối hợp với trường học, trạm y tế, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác chăm sóc sức khỏe, giảm nghèo bền vững, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội.

- Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống tinh thần Nhân dân.

### 3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Là đầu mối giúp UBND xã điều phối, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện công tác hành chính – tổng hợp, văn thư, lưu trữ, thông tin báo cáo, quản trị nội bộ và phục vụ các kỳ họp HĐND xã.

- Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn trong việc chuẩn bị nội dung báo cáo, kế hoạch, chương trình làm việc của lãnh đạo xã.

- Quản lý cơ sở dữ liệu, hồ sơ hành chính và thông tin điện tử, bảo đảm hoạt động điều hành của UBND xã được thông suốt, hiệu quả.

**4. Trung tâm Phục vụ hành chính công**

- Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". (trực tiếp tham mưu, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu số 18,19).

- Đảm bảo việc giải quyết hồ sơ đúng hạn, đúng quy trình, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã trong công tác số hóa, cải cách hành chính, chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Định kỳ thống kê, đánh giá và báo cáo UBND xã về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính, phản ánh kiến nghị của tổ chức và công dân.

**5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công**

- Là đơn vị thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, cổ động trực quan gắn với nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Quản lý và vận hành hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, mạng xã hội của xã phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn đẩy mạnh công tác tuyên truyền chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

**6. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã**

- Là đơn vị tham mưu UBND xã tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật; trực tiếp tham mưu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu số 4 và phối hợp thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến hạ tầng kỹ thuật, giao thông, môi trường, trường học, thiết chế văn hóa.

- Chủ trì tham mưu lập, đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm; xây dựng kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án bảo đảm phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Tổ chức quản lý dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến nghiệm thu, bàn giao, quyết toán công trình theo quy định; bảo đảm chất lượng công trình, tiến độ thi công, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn, các thôn và đơn vị liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm về giao thông, thủy lợi, trường học, nhà văn hóa, công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn, công trình phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND xã kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

**7. Ban Chỉ huy Quân sự xã**

- Tham mưu UBND xã triển khai nhiệm vụ quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; tổ chức huấn luyện, diễn tập theo kế hoạch. (trực tiếp tham mưu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu số 21).

- Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan trong phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm an toàn dân cư vùng ven biển, cửa sông.

- Góp phần giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn.

**8. Công an xã**

- Chủ trì bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông và an ninh mạng. (trực tiếp tham mưu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu số 22).

- Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã trong công tác quốc phòng – an ninh, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, bảo vệ an ninh vùng biển.

- Thực hiện tốt công tác nắm tình hình cơ sở, kịp thời tham mưu xử lý các vụ việc phức tạp, góp phần giữ vững ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị - xã hội:**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

**10. Cơ sở các thôn:**

- Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến từng hộ dân; vận động Nhân dân tham gia thực hiện và giám sát các chương trình, dự án.

- Chủ động đề xuất mô hình sản xuất, sáng kiến cải tiến, tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

- Phát huy dân chủ ở cơ sở, thực hiện phương châm "Dân biết – Dân bàn – Dân làm – Dân kiểm tra – Dân thụ hưởng".

**11. Công tác kiểm tra, đánh giá và báo cáo**

- Định kỳ hằng năm, UBND xã tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổng kết giữa kỳ (năm 2028) để rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu, kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổng kết cuối kỳ (năm 2030) đánh giá toàn diện kết quả thực hiện, làm cơ sở xây dựng kế hoạch giai đoạn 2031–2035.

- Kết quả sơ kết, tổng kết được công khai, minh bạch, báo cáo UBND thành phố và thông tin rộng rãi đến nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Kiến Hải thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, các trường học, thôn dân cư và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện; chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã *(qua Văn phòng HĐND và UBND xã)* để tổng hợp, xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

***Nơi nhận:***
- UBND thành phố (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (b/c);
- Các Phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quyết**

**BẢNG TỔNG HỢP**
**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU**
*( Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Kiến Hải)*

| STT | Chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | 2026 | 2027 | 2028 | 2029 | 2030 *(mục tiêu)* | Phân công đơn vị tham mưu, thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng bình quân | % | 19 | 19 | 19 | 19 | ≥19% | Phòng Kinh tế |
| *1.1* | Công nghiệp – xây dựng | % | 18 | 18 | 18 | 18 | ≥18% | Phòng Kinh tế |
| *1.2* | Thương mại – dịch vụ – logistics – du lịch | % | 24 | 24 | 24 | 24 | ≥24% | Phòng Kinh tế |
| *1.3* | Nông – lâm – thủy sản | % | 4,5 | 4,5 | 4,5 | 4,5 | ≥4,5% | Phòng Kinh tế |
| 2 | Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân | % | 15 | 16 | 16 | 17 | 15-17% | Phòng Kinh tế |
| 3 | Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản | Triệu đồng/ha | 180 | 200 | 220 | 235 | 250 | Phòng Kinh tế |
| 4 | Vốn đầu tư ngân sách xã (cả giai đoạn) | Tỷ đồng | 210 | 213 | 213 | 214 | Tổng 1.064 | Phòng Kinh tế, Ban QLDA |
| | Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công | % | ≥90 | ≥90 | ≥90 | ≥90 | ≥90 | Phòng Kinh tế, Ban QLDA |
| 5 | Số DN trên địa bàn (tăng so với hiện nay) | Lần | 1,2 | 1,4 | 1,6 | 1,8 | 2,0 | Phòng Kinh tế |
| | Cơ sở SXKD chuyển đổi thành DN mỗi năm | Cơ sở | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 | Phòng Kinh tế |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | DN có hoạt động đổi mới sáng tạo | % | 20 | 30 | 40 | 45 | 50 | Phòng Kinh tế |
| 7 | Thu nhập bình quân đầu người | Triệu đồng/người/năm | 85 | 105 | 130 | 155 | 170-200 | Phòng Kinh tế |
| 8 | Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn đa chiều) | % | 1,0 | 0,8 | 0,5 | 0,2 | 0 | Phòng Kinh tế |
| 9 | Gia đình văn hóa đạt | % | 97 | 97 | 98 | 98 | ≥98 | Phòng VH-XH |
| | Thôn văn hóa đạt | % | 90 | 90 | 90 | 90 | ≥90 | Phòng VH-XH |
| 10 | Trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 | % | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | Phòng VH-XH |
| | Trường đạt chuẩn mức độ 2 và kiểm định cấp độ 3 | % | 40 | 50 | 60 | 70 | ≥80 | Phòng VH-XH |
| | Trường có nhà đa năng | % | 60 | 75 | 85 | 95 | 100 | Phòng VH-XH |
| | Cơ sở GD có phòng học thông minh | % | 50 | 70 | 85 | 95 | 100 | Phòng VH-XH |
| 11 | Người dân tham gia BHYT | % | 96 | 97 | 97,5 | 98 | >98 | Phòng VH-XH |
| | Lao động tham gia BHXH | % | 55 | 58 | 60 | 63 | 66 | Phòng VH-XH |
| 12 | Việc làm được giới thiệu, giải quyết | Lượt/năm | 1.500 | 1.700 | 1.900 | 2.100 | 2.400 | Phòng VH-XH |
| 13 | Lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp | % | 60 | 63 | 66 | 68 | ≥70 | Phòng VH-XH |
| 14 | Hộ dân sử dụng nước sạch | % | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | Phòng Kinh tế, phòng VH - XH |
| 15 | Chất thải rắn được thu gom, xử lý đúng quy định | % | 95 | 97 | 98 | 99 | 100 | Phòng Kinh tế |
| | Hộ dân phân loại rác tại nguồn | % | 80 | 85 | 90 | 95 | 100 | Phòng Kinh tế |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia | % | 100 | 100 | 100 | 100 | Duy trì | Phòng VH-XH |
| 17 | Hoàn thành xây dựng chính quyền số cấp xã | % | 50 | 70 | 85 | 95 | 100 | Phòng VH-XH |
| | Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các thôn | % | 60 | 80 | 90 | 95 | 100 | Phòng VH-XH |
| 18 | Cơ quan sử dụng văn bản điện tử | % | 90 | 95 | 100 | 100 | 100 | Văn phòng HĐND và UBND và các phòng, đơn vị chuyên môn |
| | Dịch vụ công mức độ 3, 4 cung cấp đầy đủ | % | 70 | 80 | 85 | 90 | >90 | Trung tâm Phục vụ HCC |
| 19 | Tỷ lệ giải quyết TTHC đúng hạn | % | 98 | 99 | 100 | 100 | 100 | Trung tâm Phục vụ HCC |
| | Hồ sơ trực tuyến | % | 70 | 75 | 80 | 83 | 85 | Trung tâm Phục vụ HCC |
| 20 | Xã đạt chuẩn "Chính quyền thân thiện" | | | Đạt | Duy trì | Duy trì | Duy trì | Phòng VH-XH |
| 21 | Tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, nghĩa vụ CA | 100% kế hoạch | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | Ban CHQS xã |
| 22 | Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội | Ổn định Không có "điểm nóng" | Ổn định Không có "điểm nóng" | Ổn định Không có "điểm nóng" | Ổn định Không có "điểm nóng" | Ổn định Không có "điểm nóng" | Ổn định Không có "điểm nóng" | Công an xã |